

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên (cơ quan sau hợp nhất)
Mã Chương: 417

Phụ lục 01
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-SKHCN ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị	
					Cơ quan Sở Thông tin và Truyền thông (MQHNS: 1012587)	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (MQHNS: 1030672)
A	B	(1)	(2)	(3)=(2-1)	(4)	(5)
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Tổng số thu từ phí, lệ phí	49.61	49.61	-	49.61	-
1	Lệ phí	2.075	2.075	-	2.075	-
1.1	Lệ phí cấp giấy phép xuất bản	2.075	2.075		2.075	
2	Phí	47.538	47.538	-	47.538	-
2.1	Phí thẩm định cấp phép NK XBP không kinh doanh	46.413	46.413		46.413	
2.2	Phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính	1.125	1.125		1.125	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	22.289	22.289	-	22.289	-
1	Chi sự nghiệp					
2	Chi quản lý hành chính	22.289	22.289		22.289	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	6.829	6.829	-	6.829	-
1	Lệ phí	2.075	2.075	-	2.075	-
1.1	Lệ phí cấp giấy phép xuất bản	2.075	2.075		2.075	
2	Phí	4.754	4.754	-	4.754	-
2.1	Phí thẩm định cấp phép NK XBP không kinh doanh	4.641	4.641		4.641	
2.2	Phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính	0.113	0.113		0.113	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	19,294.450	19,294.450	-	13,392.938	5,901.512
I	Nguồn ngân sách trong nước	19,294.450	19,294.450	-	13,392.938	5,901.512
1	Chi quản lý hành chính	19,294.450	19,294.450	-	13,392.938	5,901.512
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,150.154	6,150.154		4,748.574	1,401.580

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị	
					Cơ quan Sở Thông tin và Truyền thông (MQHNS: 1012587)	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (MQHNS: 1030672)
A	B	(1)	(2)	(3)=(2-1)	(4)	(5)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	13,144.296	13,144.296		8,644.364	4,499.932